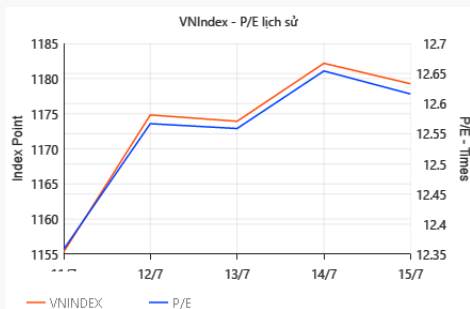


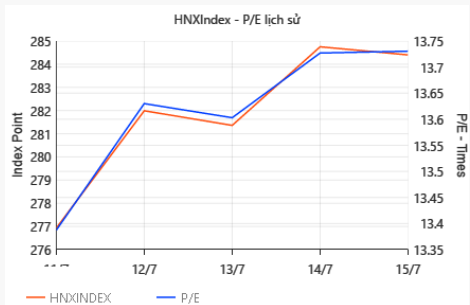


VN-INDEX



Điểm số	1,179.25
Tuần qua (WoW)	0.68%
Từ đầu năm (YTD)	-21.29%
Khối lượng khớp lệnh trung bình 1 phiên	11.36%
Giá trị khớp lệnh trung bình 1 phiên	3.62%
P/E	12.62
P/B	2.02

HNX -INDEX



Điểm số	284.40
Tuần qua (WoW)	2.38%
Từ đầu năm (YTD)	-40.00%
Khối lượng khớp lệnh trung bình 1 phiên	18.68%
Giá trị khớp lệnh trung bình 1 phiên	28.55%
P/E	13.73
P/B	16

Chuyên viên Phân tích

Đỗ Trung Nguyên

nguyendt@gtjas.com.vn

(024) 35.730.073 - ext:702

Võ Thế Vinh

vinhvt@gtjas.com.vn

(024) 35.730.073 - ext:701

GIỮ NGUYÊN ROOM TĂNG TRƯỞNG TÍN DỤNG 14% NHẬN ĐỊNH CHIẾN LƯỢC

Lạm phát tháng 6 tại Mỹ tiếp tục tăng cao lên đến 9.1%, vượt nhiều dự báo trên thị trường. Một mặt khi nhìn vào diễn biến tích cực của thị trường chứng khoán Mỹ sau khi số liệu công bố, có thể thấy một kỳ vọng lớn đang hình thành trên thị trường về việc đây có thể là đỉnh của lạm phát (tương tự như vậy là kỳ vọng về đáy của chứng khoán). Kỳ vọng này hoàn toàn có cơ sở khi nhìn vào xu hướng hạ nhiệt ngắn hạn của giá cả hàng hóa thế giới. Tuy nhiên ở mặt khác, lạm phát cao sẽ càng tạo áp lực buộc Cục dự trữ liên bang Mỹ FED sẽ phải nâng lãi suất mạnh tay hơn nữa.

Quay trở lại Việt Nam, việc diễn biến lạm phát vẫn còn rất phức tạp và đồng USD tiếp tục mạnh lên khiến cho Ngân hàng nhà nước hết sức thận trọng trong việc điều hành chính sách. Tại hội nghị sơ kết 6 tháng đầu năm của ngành Ngân hàng, Thống đốc NHNN đã xác định vẫn giữ nguyên room 14%, chưa nói vội như kỳ vọng của thị trường khi nhiều ngân hàng đã kín room. Với việc tín dụng 6 tháng đã tăng 9.35% YTD (so với tốc độ 6.47% của năm ngoái) thì sự thận trọng của NHNN trong việc điều hành chính sách là hợp lý.

Bên cạnh đó, một áp lực khác tới điều hành chính sách tiền tệ chính là tỷ giá USD khi NHNN đã liên tục phải bán USD trong dự trữ ngoại tệ (theo một số thống kê không chính thức thì có thể đã hơn 10% tổng dự trữ hơn 100 tỷ USD ở thời điểm đầu năm). Kết quả của việc này là VND đang là đồng tiền mạnh thứ 2 ở châu Á (sau Đôla Hongkong) khi so sánh với USD. Tuy nhiên nếu Mỹ tiếp tục tăng lãi suất trong các tháng sắp tới thì áp lực buộc SBV phải tăng lãi suất sẽ ngày càng cao do dự trữ cũng chỉ có giới hạn, đi ngược lại mục tiêu giảm 0.5%-1% mặt bằng lãi suất trong 2 năm tới của chính phủ.

CHIẾN THUẬT GIAO DỊCH

Môi trường chuyển động của thị trường nhìn chung không có gì thay đổi, biến động sẽ thấp và chậm. Nhìn chung việc giải ngân trung dài hạn lúc này mang tính tích lũy và do đó vẫn được nhắc lại là điều không có gì lạ. Với hoạt động giải ngân ngắn hạn, tỉ trọng phân bổ cũng không nên quá lớn, và hoàn toàn nên tránh việc mua đuổi, chỉ nên được thực hiện ở những vùng giá thấp.



DANH MỤC KHUYẾN NGHỊ GUOTAI JUNAN VIỆT NAM

Danh mục Nắm giữ (Holding portfolio)

Kỳ đầu tư: 6-18 tháng

Mã cổ phiếu	Ngày ra khuyến nghị	Lần KN	Giá khi khuyến nghị	Khuyến nghị	Giá mục tiêu	Upside kỳ vọng	Upside còn lại	Vượt mục tiêu	Tổng biến động
BID	24/02/22	1	44,600	Mua	55,000	17.0%	53.6%		-19.7%
TCB	27/01/22	1	52,400	Mua	64,500	23.1%	78.7%		-31.1%
MWG*	06/08/21	3	56,500	Nắm giữ	60,650	7.3%		1.4%	158.1%
CTG	04/08/21	1	33,200	Mua	38,400	15.7%	42.2%		-18.7%
TDM	30/07/21	1	30,050	Mua	40,000	33.1%	2.0%		30.4%
HAH*	03/08/21	3	34,300	Nắm giữ	42,100	22.7%		47.3%	280.4%
OCB*	02/08/21	2	24,300	Mua	27,700	14.0%	58.7%		-15.8%
VHM*	31/05/21	2	75,820	Nắm giữ	75,550	0%	25.9%		7.0%
SZC*	23/04/21	1	35,750	Nắm giữ	41,000	14.7%		20.0%	37.6%
DHC*	30/10/20	1	35,440	Giảm tỷ trọng	39,760	17.1%		66.0%	86.2%
ACB*	05/02/21	2	22,830	Nắm giữ	29,110	27.5%	21.3%		33.3%
VPB*	05/02/21	2	22,820	Nắm giữ	24,670	8.1%		14.5%	100.9%
MBB	11/06/21	3	29,185	Tăng tỷ trọng	32,593	11.7%	28.1%		101.1%
VIB*	05/02/21	1	25,297	Nắm giữ	32,157	27.1%	32.6%		-4.1%
TPB*	05/02/21	1	19,778	Nắm giữ	25,556	29.2%		6.0%	37.0%
PNJ*	31/07/20	2	80,300	Nắm giữ	85,400	6.3%		32.9%	125.2%
SBT*	02/08/20	2	20,550	Nắm giữ	24,000	16.8%	22.6%		-0.8%
QNS*	08/02/21	1	37,200	Mua	54,000	45.2%	21.9%		19.1%

(*): các cổ phiếu đã từng đạt giá mục tiêu của lần khuyến nghị hiện tại.

Lần khuyến nghị 1 là khuyến nghị lần đầu. Lần 2,3,...,n là các khuyến nghị điều chỉnh giá mục tiêu.

Tổng mức biến động được tính từ khi ra khuyến nghị lần đầu cho tới hiện tại.



Danh mục Giao dịch (Trading portfolio)

Kỳ đầu tư: 3-6 tháng

Mã cổ phiếu	Ngày ra khuyến nghị	Vùng giá mua	Giá mục tiêu	Cắt lỗ	Risk/ Reward Ratio	Lãi/Lỗ hiện tại
BMC	11/10/21	25,200 - 27,200	45,200	21,100	1:3	-50.2%
TNG	24/08/21	22,833 - 24,120	31,833	21,481	1:3	11.1%
SLS	18/08/21	131,000 - 147,000	212,000	125,000	1:3	-0.1%
BWE	16/07/21	35,000 - 36,000	45,000	32,900	1:3	35.6%
LAS*	21/06/21	13,000 - 14,000	19,000	11,800	1:2.3	-7.9%
ABI*	17/06/21	45,614 - 49,123	65,789	42,982	1:2.7	-4.3%
VND*	09/06/21	14,600 - 15,600	21,000	13,500	1:2.5	21.2%
DPG*	31/05/21	26,500 - 27,929	42,571	24,000	1:4	45.0%
GVR	28/05/21	26,300 - 29,500	48,400	23,900	1:3.5	-21.5%
BID	28/05/21	36,400 - 38,400	51,600	33,600	1:3	-6.8%
SSI*	20/05/21	21,000 - 22,300	27,850	19,700	1:2	-5.4%
SGR	12/05/21	25,500 - 28,500	44,000	24,000	1:3.5	-35.6%
BSR*	11/05/21	14,900 - 16,100	22,000	13,600	1:2.3	41.6%
SMC*	11/05/21	29,000 - 31,250	41,670	25,850	1:2	-38.9%
BCG*	12/04/21	13,200 - 13,600	17,533	12,333	1:3	11.0%
GMD*	07/04/21	33,800 - 35,000	53,800	32,700	1:5	40.0%
STB*	30/03/21	19,500 - 21,000	28,500	18,300	1:3	9.5%
TTF*	29/03/21	6,900 - 7,500	13,000	6,200	1:4	13.6%
VIC*	26/03/21	96,900-101,300	128,900	95,100	1:4.5	-31.3%
VCB	18/03/21	74,530 - 76,250	97,000	72,700	1:6	-5.2%
GEG*	08/03/21	15,610 - 16,650	24,245	14,580	1:4	35.1%
FCN*	08/03/21	13,700 - 14,700	21,700	13,100	1:4.5	-4.4%
PVD*	05/03/21	23,500 - 25,500	40,000	21,900	1:4	-20.5%
TIG*	05/03/21	7,545 - 8,455	13,636	7,273	1:4.5	51.4%
GAS*	17/02/21	80,000 - 83,500	117,000	73,700	1:3.5	16.8%
CNG*	17/02/21	19,900 - 21,000	29,500	18,600	1:3.5	60.0%
CCL*	17/02/21	8,930 - 9,820	16,070	7,770	1:3	-7.3%
SAM*	17/02/21	10,730 - 11,590	21,555	9,770	1:5	1.8%
LAF*	27/01/21	12,800 - 14,500	21,500	11,800	1:2.5	26.2%
VSH*	25/01/21	18,000 - 19,700	30,000	16,900	1:3.5	111.7%
MSR*	21/12/20	19,000 - 21,000	31,000	17,800	1:3	-7.1%
SFI*	09/12/20	29,200 - 31,000	46,500	27,700	1:5	93.5%
PGV*	23/11/20	12,510 - 13,462	22,510	11,271	1:4	85.6%
CKG*	19/11/20	8,230 - 8,650	11,300	7,890	1:3.5	84.4%
DRI*	20/10/20	4,430 - 4,930	9,930	3,630	1:4	137.3%



DIỄN BIẾN THỊ TRƯỜNG

Thị trường có một tuần hồi phục nhẹ với thanh khoản cải thiện mặc dù có rất nhiều tin đồn tiêu cực nhưng diễn biến thực tế không quá tiêu cực như vậy (các cơ quan quản lý đã bắt và xử phạt những cá nhân tung tin). VN-Index tăng nhẹ 0.7% trong khi HNX-Index hồi phục 2.4%, xét về thanh khoản thì sàn HNX cũng có sự hồi phục tích cực hơn cả về khối lượng và giá trị trong khi giá trị tại sàn HSX gần như không thay đổi. Cụ thể khối lượng và giá trị khớp lệnh trung bình phiên trên sàn HNX tăng lần lượt 18.7% và 28.6% so với tuần trước.

Ngược lại với tuần trước, nhóm các chỉ số của thị trường Việt Nam quay trở lại dẫn đầu tích cực nhất trong tuần này so với các chỉ số cổ phiếu khác của thế giới. GVR, BCM đại diện cho nhóm bất động sản Khu công nghiệp thu hút dòng tiền và dẫn dắt đà tăng của thị trường. D2D trong nhóm cũng là cổ phiếu có mức đột biến khối lượng mạnh nhất trong tuần qua.

Bên cạnh BĐS Khu công nghiệp, nhóm nông nghiệp với các cổ phiếu liên quan đến chăn nuôi Heo cũng đang nhận được sự chú ý với DBC, HNG hay BAF.

Trong tuần vừa qua, cá nhân là nhóm mua ròng lớn nhất trên thị trường để cân lại đà bán ròng gần 2,2 nghìn tỷ chia đều cho tổ chức trong và ngoài nước.

VN-INDEX



(Đồ thị tuần của VNIndex)



(Đồ thị ngày của VNIndex)

Nhận định

VNINDEX có tuần tăng 0.7%, mở cửa tuần thấp hơn tham chiếu và cao hơn mức thấp nhất tuần, đóng cửa tuần cao hơn mở cửa và thấp hơn mức cao nhất tuần, khối lượng giao dịch cả tuần cao hơn tuần liền trước và thấp hơn trung bình.

Về diễn biến cụ thể, thị trường có ngày thứ hai đầu tuần mở cửa tiêu cực và quay trở lại vùng đáy nhưng áp lực bán không hề lớn và điều quan trọng nhất là có lực mua gia tăng mạnh ở vùng đáy ngày để đẩy VNIndex bật ngược trở lên. Sự đảo chiều của tương quan cung cầu được chính thức xác nhận trong ngày thứ ba sau đó khi thị trường bật tăng nhẹ nhàng dù về mặt tuyệt đối dòng tiền vẫn chưa hề gia tăng mạnh. Ba ngày còn lại trong tuần nhìn chung là giao dịch với biên độ rất hẹp, xu hướng chủ đạo trong những ngày này vẫn là đi lên nhưng sự giằng co thì đã xuất hiện. Áp lực bán được thể hiện rõ rệt hơn trong buổi chiều ngày thứ sáu cuối tuần, đẩy VNIndex đóng cửa giảm nhẹ và thấp hơn mức mở cửa buổi sáng.

Thị trường không bị giảm mạnh tuy nhiên đồng thời cũng vẫn đang vận động ở vùng đáy, việc có tuần tăng điểm là một điều chắc chắn tích cực nhưng những diễn biến mới nhất cũng cho thấy việc áp lực bán có phần mạnh lên hơn. Tâm lý hoảng loạn là không có lúc này nhưng ngược lại thì sự hưng phấn cũng chưa xuất hiện, trong một môi trường như vậy thì những nhịp dao động lên xuống nhỏ sẽ là điều tất yếu. Còn về trung dài hạn, kịch bản sẽ vẫn duy trì là tạo đáy và tích cực.

Vai trò	Vùng điểm của VNIndex
Hỗ trợ	1,150
Kháng cự	1,400



THỐNG KÊ CÁC KHUYẾN NGHỊ ĐÃ ĐÓNG

1. Danh mục Giao dịch (Trading portfolio)

Các trạng thái đã chốt lời một phần của Danh mục

Mã cổ phiếu	Ngày khuyến nghị	Vùng giá mua	Giá mục tiêu	Cắt lỗ ở dưới	Giá đóng cửa tại ngày chốt	Lợi nhuận	Giá cao nhất từng đạt	Lợi nhuận cao nhất từng đạt
CEO*	06/04/21	13,000 – 13,700	19,000	11,900	70,800	416.8%	76,500	458.4%
DIG*	08/04/21	25,667 – 26,522	40,211	23,186	97,000	265.7%	104,500	294.0%

Các trạng thái đã chốt lời của Danh mục

Mã cổ phiếu	Ngày khuyến nghị	Vùng giá mua	Giá mục tiêu	Cắt lỗ ở dưới	Risk: Reward Ratio	Lợi nhuận	Giá cao nhất từng đạt	Lợi nhuận cao nhất từng đạt
CEO*	06/04/21	13,000 – 13,700	19,000	11,900	1:3	508.0%	100,000	629.9%
DIG*	08/04/21	25,667 – 26,522	40,211	23,186	1:4	322.3%	125,200	372.1%
IDC*	28/05/21	36,000 – 38,500	56,000	33,000	1:3	55.1%	59,700	55.1%
SGP*	01/12/20	10,500 – 11,000	18,500	9,500	1:5	281.8%	42,000	281.8%
SMC*	30/10/20	11,200 – 12,000	16,000	11,000	1:4	33.3%	25,500	112.5%
G36*	05/11/20	9,160 – 9,830	13,300	8,770	1:3	35.3%	14,700	49.5%
LSS*	17/11/20	7,100 – 7,500	12,000	6,400	1:4	60.0%	12,100	61.3%
POS*	18/11/20	11,500 – 12,000	19,000	9,950	1:2.5	50.8%	20,500	62.7%
SAC*	01/12/20	8,800 – 9,500	14,700	8,300	1:4	54.7%	16,400	72.6%

Các trạng thái đã chốt lời sớm/cắt sớm

Mã cổ phiếu	Ngày khuyến nghị	Vùng giá mua	Giá mục tiêu	Cắt lỗ ở dưới	Risk: Reward Ratio	Lợi nhuận	Giá cao nhất từng đạt	Lợi nhuận cao nhất từng đạt
LDG	22/10/20	6,600 – 6,800	10,300	6,100	1:5	23.1%	8,370	23.1%
HAG	13/11/20	4,500 – 4,700	8,000	4,250	1:7	0.0%	6,450	37.2%
PXS	17/11/20	6,000 – 6,400	11,000	5,300	1:4	0.0%	9,000	40.6%

Các trạng thái đã cắt lỗ

Mã cổ phiếu	Ngày khuyến nghị	Vùng giá mua	Giá mục tiêu	Cắt lỗ ở dưới	Risk: Reward Ratio	Mức lỗ	Giá cao nhất từng đạt	Lợi nhuận cao nhất từng đạt
VSH	09/11/20	20,500 – 21,000	30,000	18,900	1:4	-10.0%	19,281	-8.2%
MFS	30/12/20	27,300 – 29,000	39,000	26,300	1:4	-9.3%	33,900	16.9%
BWE	30/12/20	30,800 – 33,300	42,800	29,300	1:2.3	-12.0%	33,765	1.4%
CMX	31/12/20	17,000 – 18,500	25,000	16,200	1:3	-12.4%	20,000	8.1%

2. Danh mục Nắm giữ (Holding portfolio)

Các mã được điều chỉnh giá mục tiêu

Mã cổ phiếu	Ngày ra khuyến nghị	Lần KN / Tổng	Giá khi khuyến nghị	Giá mục tiêu cũ	Upside ban đầu	Tổng mức biến động	Ngày đóng khuyến nghị	Giá mục tiêu mới	Điều chỉnh giá mục tiêu
MWG*	08/02/21	2/3	128,500	154,500	20.2%	133.4%	06/08/21	184,000	+19.1%
VHM*	16/11/20	1/2	76,600	88,315	15.3%	33.9%	31/5/21	102,300	+15.8%
HAH*	31/05/21	2/3	28,200	35,100	24.5%	105.5%	03/08/21	60,000	+70.9%
OCB*	20/05/21	1/2	20,720	24,800	19.7%	17.3%	02/08/21	27,700	+11.7%
HAH	02/04/21	1 / 2	24,650	29,800	20.9%	14.4%	31/05/21	35,100	+17.8%
MBB*	05/02/21	2 / 3	39,400	27,000	9.1%	130.6%	11/06/21	44,000	+62.9%
SBT*	02/11/20	1 / 2	18,500	22,200	20.0%	11.1%	08/02/21	24,000	+8.1%
ACB*	28/09/20	1 / 2	22,500	27,400	27.5%	26.7%	05/02/21	36,350	+32.7%
VPB*	28/09/20	1 / 2	22,800	27,400	20.2%	62.3%	05/02/21	40,000	+46.0%
MBB*	28/09/20	1 / 3	17,087	20,000	17.0%	44.8%	05/02/21	27,000	+35.0%
MWG*	31/07/20	1 / 3	73,470	123,000	67.4%	74.9%	08/02/21	154,500	+25.6%
PNJ*	31/07/20	1 / 2	51,000	74,200	45.5%	58.6%	08/02/21	86,000	+15.9%

(*): các cổ phiếu đã từng đạt giá mục tiêu của lần khuyến nghị hiện tại.

Lần khuyến nghị 1 là khuyến nghị lần đầu. Lần 2,3,...,n là các khuyến nghị điều chỉnh giá mục tiêu.

Tổng mức biến động được tính từ khi ra khuyến nghị lần đầu cho tới hiện tại.



FACTSET DỮ LIỆU THỊ TRƯỜNG NGÀY HÔM TRƯỚC

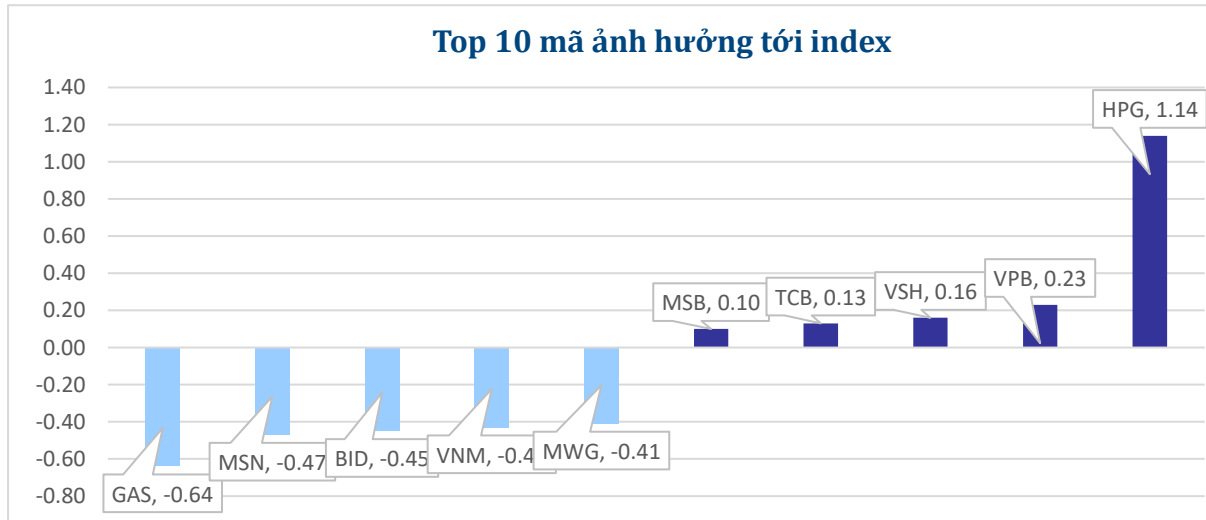
BIẾN ĐỘNG NGÀY

Chỉ số	Điểm số	Biến động	Điểm	Khối lượng GD (triệu CP)	Giá trị GD (tỷ đồng)	Số mã tăng	Số mã không đổi	Số mã giảm
VN - Index	1,179.25	-0.25%	-2.92	604.01	13,116.4	215	68	233
Vn30 - Index	1,220.14	-0.15%	-1.80	170.51	5,143.6	6	2	22
Vn - Mid	1,595.98	-0.07%	-1.04	233.85	5,335.8	32	7	31
VN - Small	1,438.81	-0.19%	-2.75	102.65	1,652.0	110	22	83
HNX - Index	284.40	-0.12%	-0.35	64.23	1,265.7	88	56	198
Upcom - Index	87.32	0.15%	0.13	58.81	593.7	238	88	116

THANH KHOẢN NGÀY

Sàn	Giá trị giao dịch (tỷ đồng)	Thay đổi so với phiên trước	Khối lượng giao dịch (triệu CP)	Thay đổi so với phiên trước
HSX	13,116.40	19.59%	604.01	12.95%
HNX	1,265.70	-15.78%	64.23	-15.79%

CỔ PHIẾU NỔI BẬT TRONG NGÀY

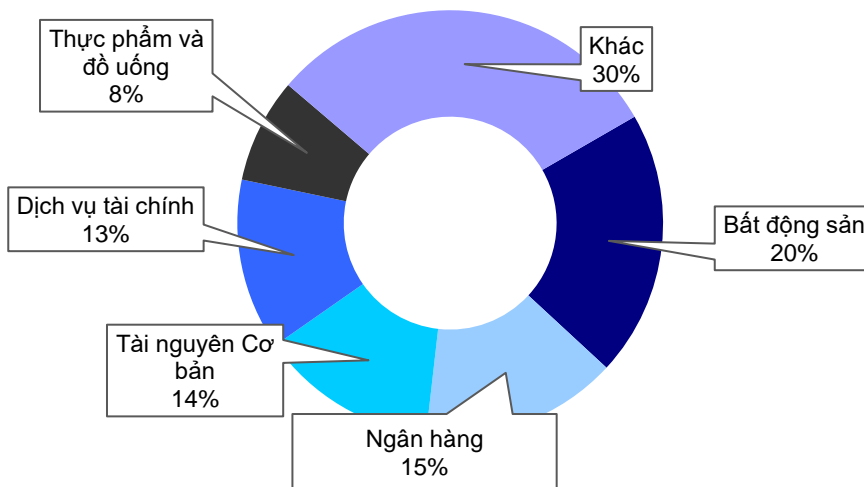


Top KLGD (triệu cổ phiếu)		Top GTGD (tỷ đồng)		Đột biến khối lượng (%KL/KL10 phiên)		Top tăng điểm với thanh khoản cao (>10 tỷ)		Top giảm điểm với thanh khoản cao (>10 tỷ)	
HPG	47.70	HPG	1,089.5	TLG	499%	CTF	7.0%	CTD	-5.0%
VND	22.70	VND	437.4	SAM	304%	AAT	7.0%	CSV	-3.9%
STB	16.98	STB	395.9	AAT	285%	SAM	7.0%	FRT	-3.6%
HNG	16.94	DIG	377.2	HPG	266%	HPG	4.5%	BVH	-2.4%
SSI	16.58	SSI	355.2	APH	252%	TLG	4.1%	HCM	-2.2%

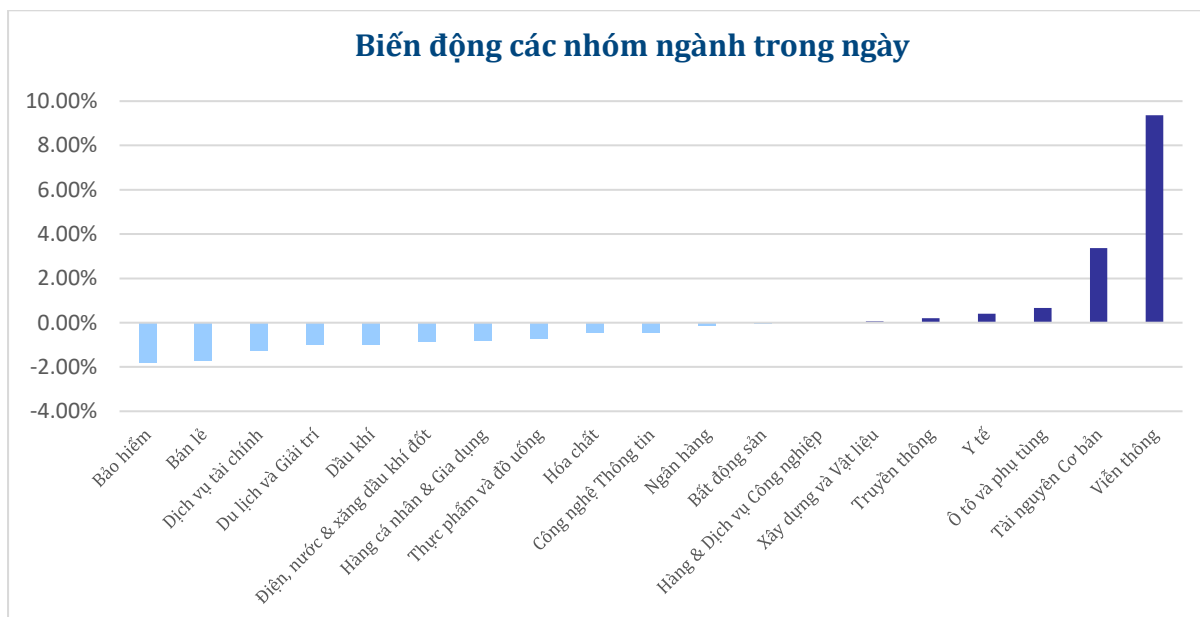


NHÓM NGÀNH

Thanh khoản ngành trong ngày



Biến động các nhóm ngành trong ngày

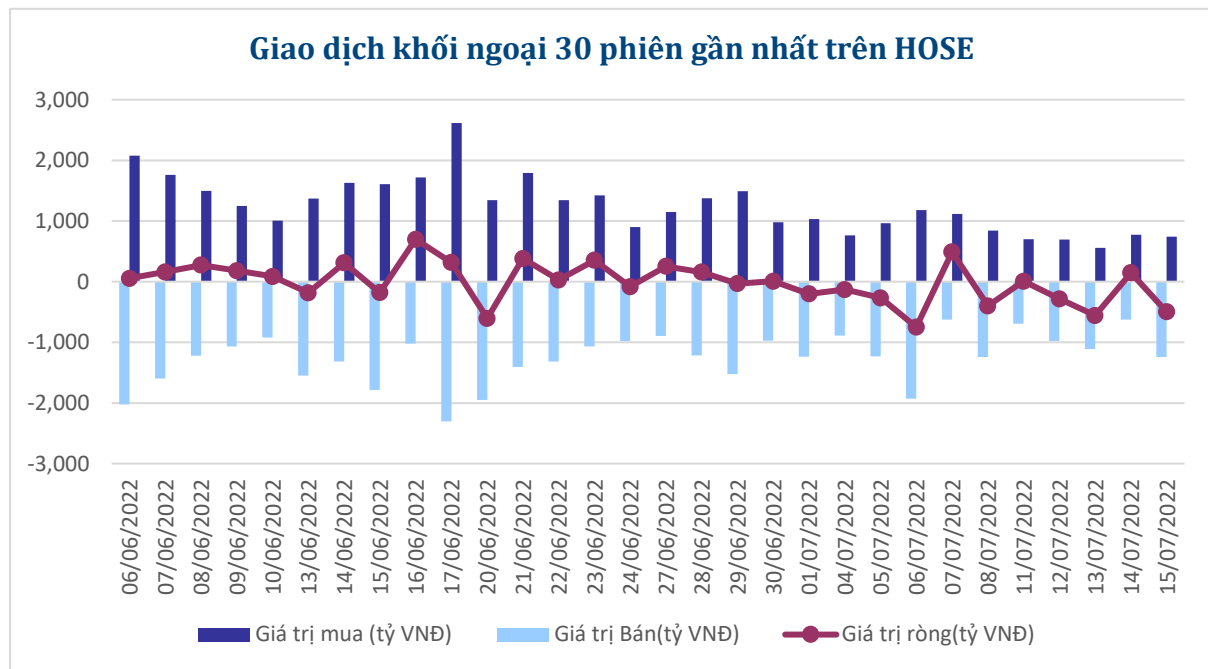




GIAO DỊCH KHỐI NGOẠI

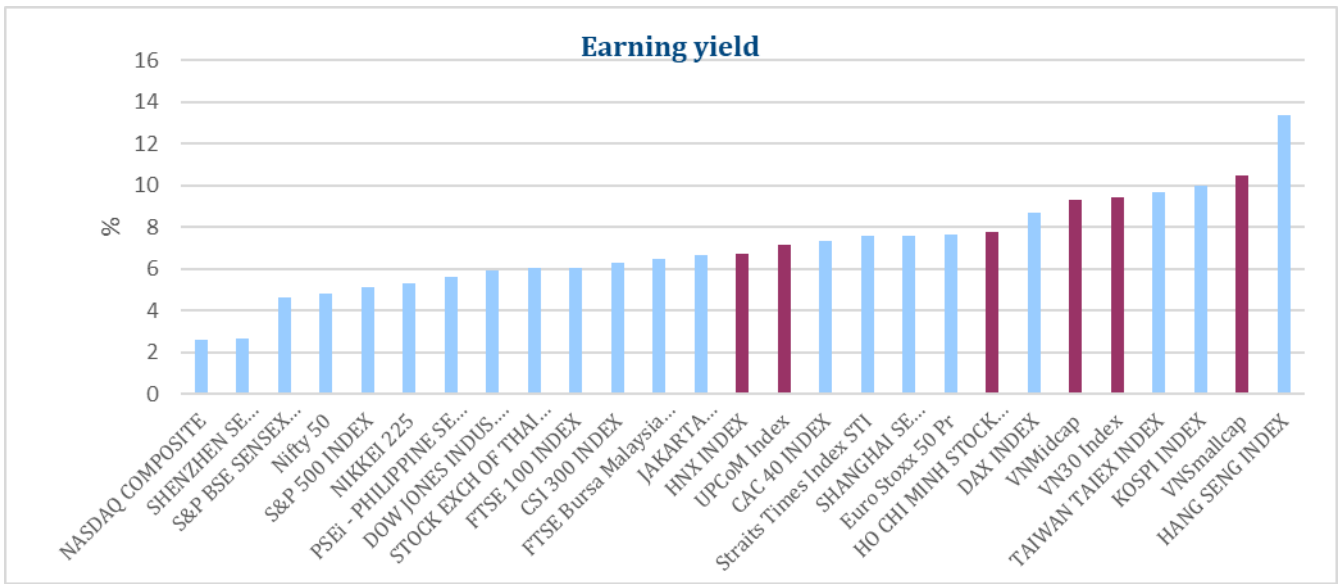
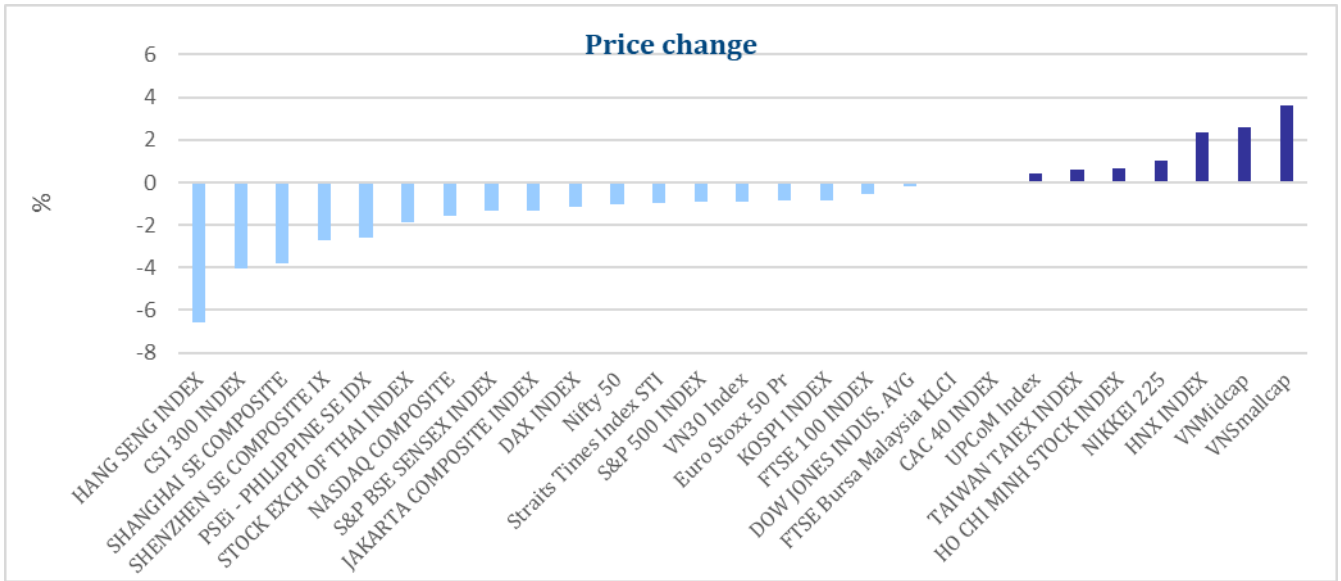
Trên HOSE bán ròng 496.86 tỷ đồng còn trên HNX bán ròng 8.98 tỷ đồng.

Top CP mua ròng	Giá trị mua ròng (tỷ đồng)	Top CP bán ròng	Giá trị bán ròng (tỷ đồng)
HPG	66.89	FUEVFNVD	260.48
CTG	32.75	UIC	66.29
VNM	24.64	DXG	40.77
VND	18.45	SSI	36.83
VCB	13.09	FRT	34.51





BIẾN ĐỘNG CỦA CÁC CHỈ SỐ CHỨNG KHOÁN TOÀN CẦU TRONG TUẦN

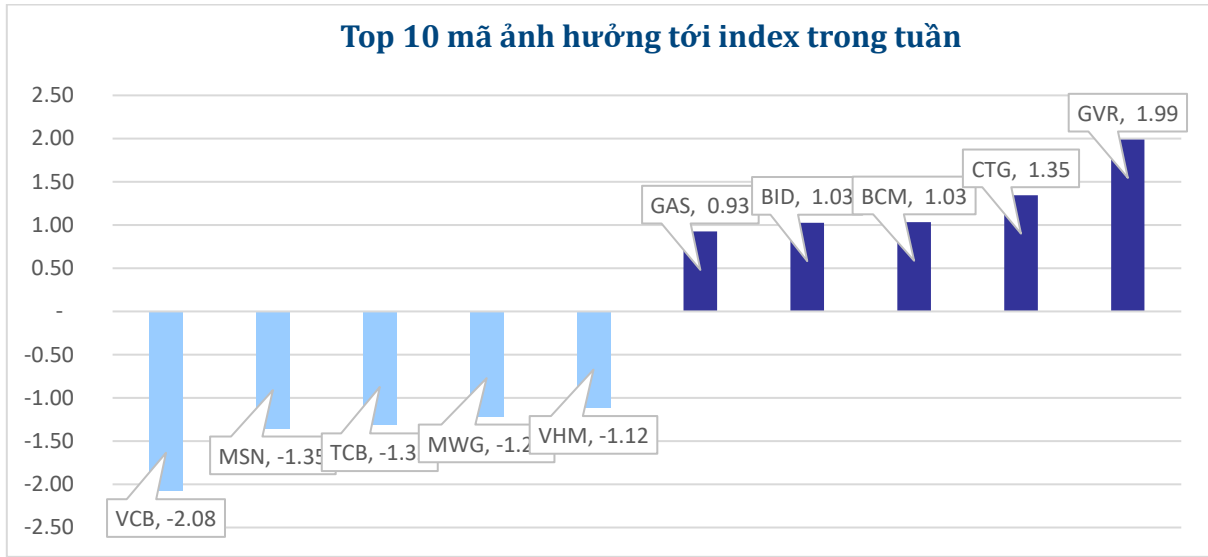


ĐỊNH GIÁ THỊ TRƯỜNG (P/E lịch sử 12 tháng gần nhất)



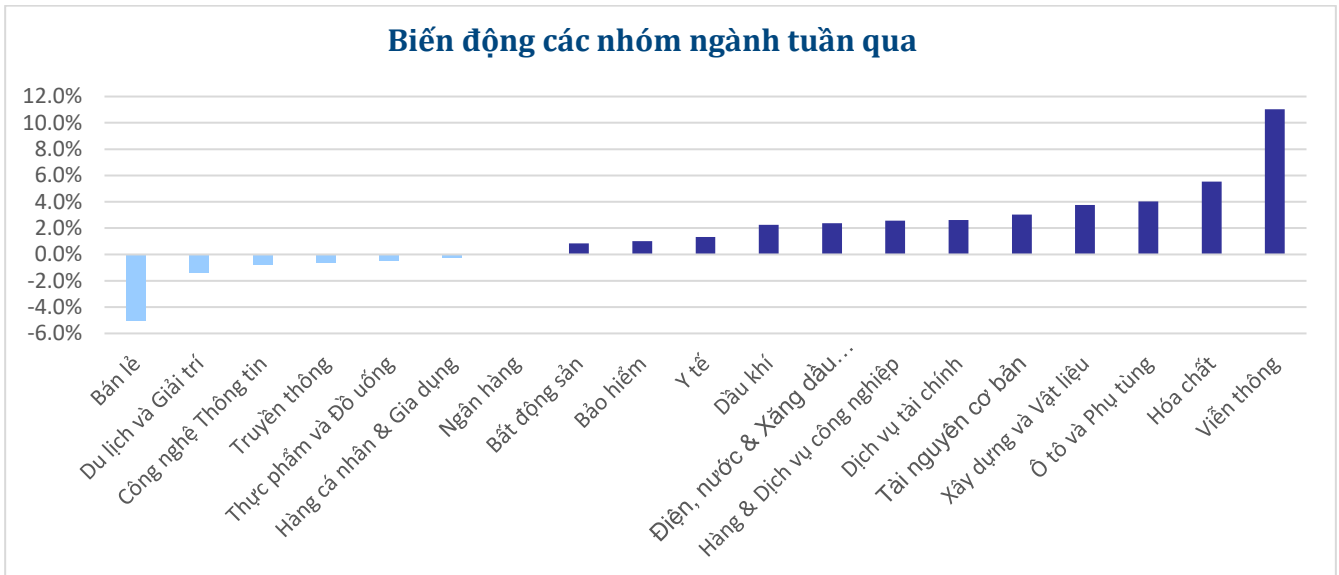


CỔ PHIẾU NỔI BẬT TUẦN QUA



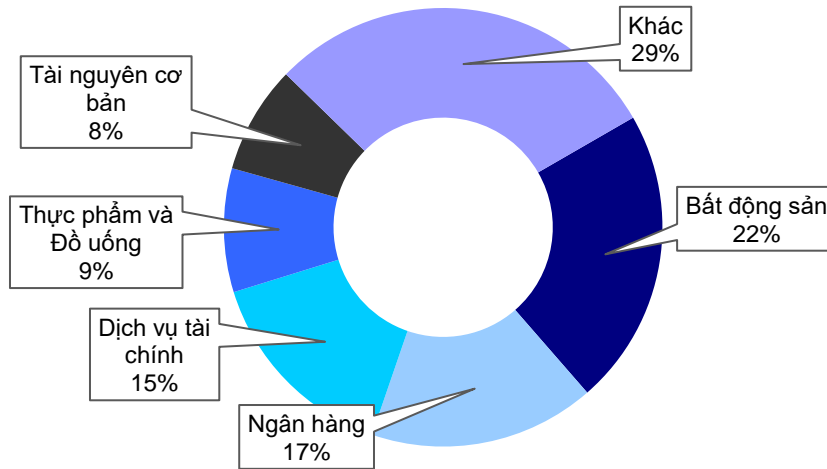
Top KLGD (triệu cp/phiên)		Top GTGD (tỷ đồng/phiên)		Đột biến khối lượng (KLtuan/KL3thang) đv: lần		Top tăng điểm với thanh khoản cao		Top giảm điểm với thanh khoản cao	
VND	23.2	HPG	463.6	D2D	4.00x	HNG	22.3%	DGW	-7.9%
HAG	20.9	VND	432.6	HNG	2.71x	CKG	16.8%	FRT	-7.3%
HPG	20.5	DIG	403.2	DBC	2.45x	APS	15.4%	MWG	-5.4%
SSI	19.2	SSI	400.7	BAF	1.69x	HAG	14.9%	FLC	-4.6%
HNG	17.5	STB	366.6	SKG	1.68x	VOS	14.1%	TCB	-3.9%

NHÓM NGÀNH TRONG TUẦN





Đóng góp thanh khoản trong tuần

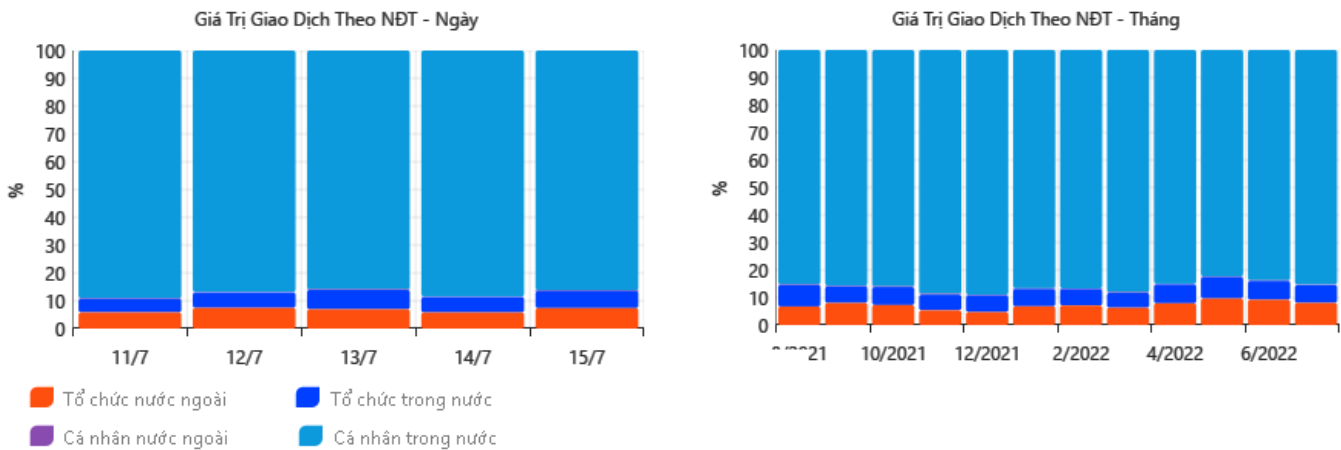


DÒNG TIỀN TRÊN THỊ TRƯỜNG

GIAO DỊCH THEO NHÀ ĐẦU TƯ

Top giao dịch của Cá nhân			Top giao dịch của Tổ chức		
Mã	Thay đổi 1w	Giá trị (tỷ đồng)	Mã	Thay đổi 1w	Giá trị (tỷ đồng)
HPG	3.34%	4,103.8	FUEVFNVD	-2.18%	1,531.7
DIG	9.10%	3,981.1	FPT	-1.67%	820.3
VND	3.00%	3,980.9	MWG	-5.38%	721.6
SSI	3.43%	3,670.2	HPG	3.34%	677.9
STB	2.22%	3,390.3	TCB	-3.86%	500.8

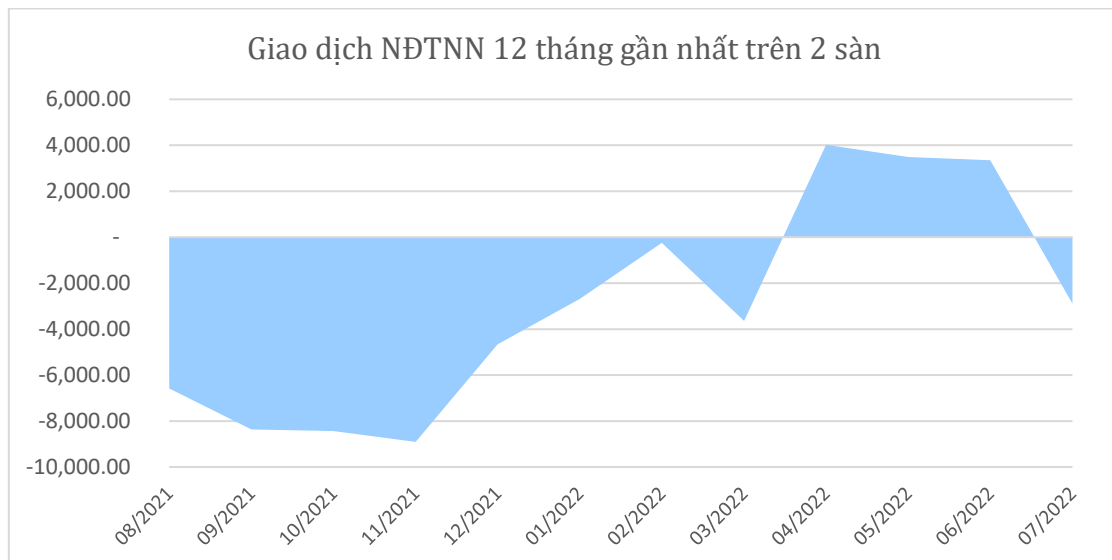
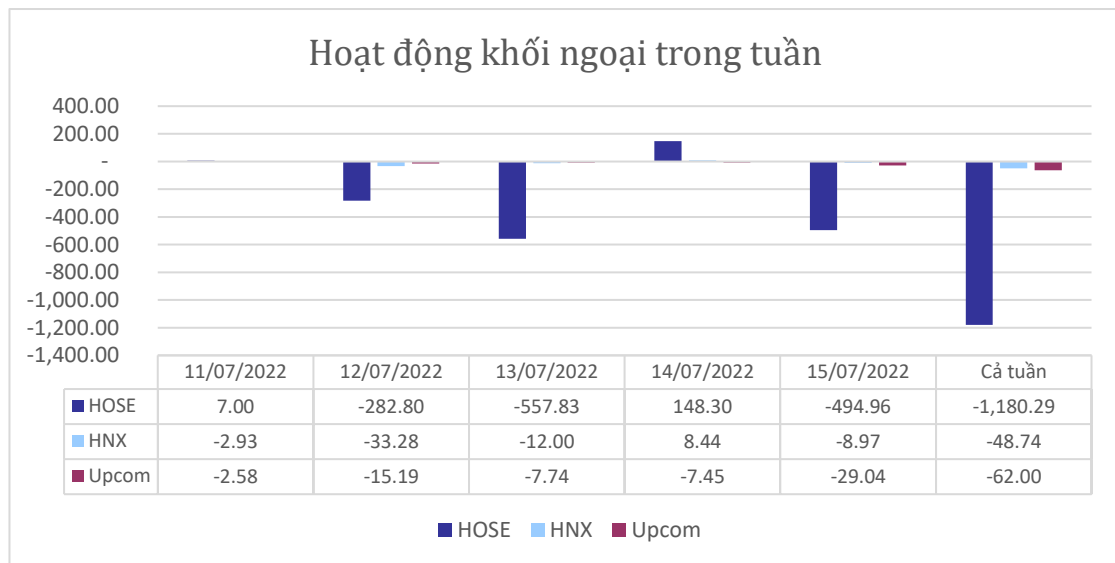
Tỷ trọng giao dịch





KHỐI NGOẠI

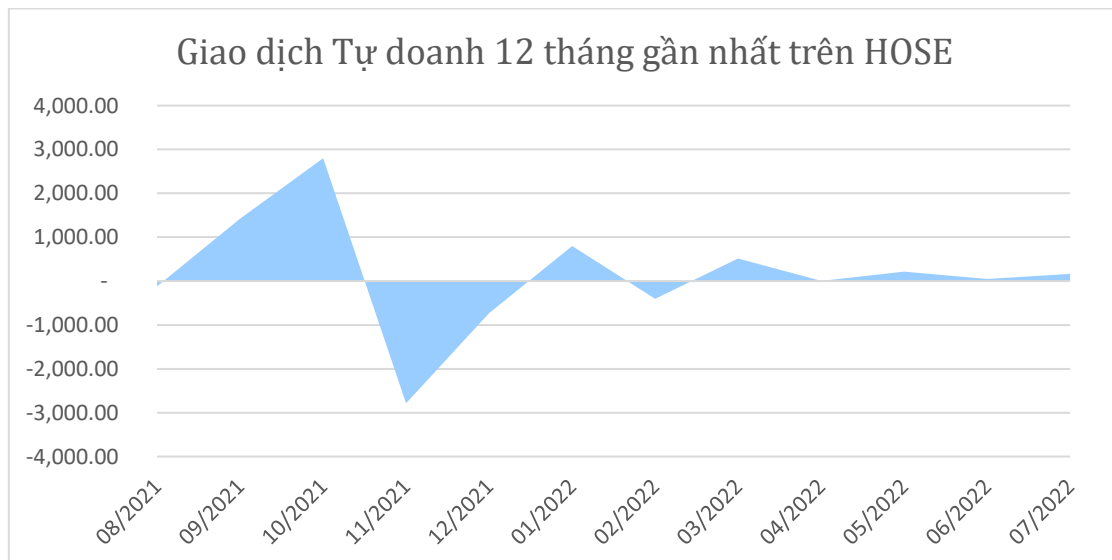
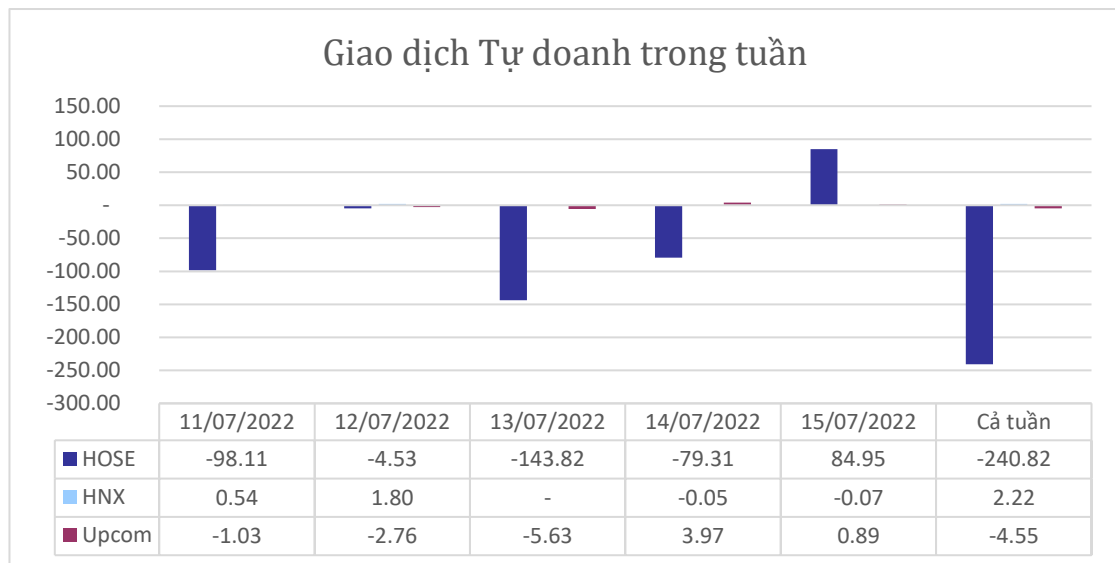
Top khối ngoại mua ròng			Top khối ngoại bán ròng		
Mã	Thay đổi 1w	Giá trị (tỷ đồng)	Mã	Thay đổi 1w	Giá trị (tỷ đồng)
VNM	-1.92%	144.08	FUEVFNVD	-2.18%	478.54
STB	2.22%	77.52	SSI	3.43%	177.15
MWG	-5.38%	71.30	VHM	-1.64%	163.04
GMD	2.73%	46.31	DPM	8.62%	124.18
CTG	4.25%	34.58	VCB	-2.30%	104.39





KHOẢNG TỰ DOANH CÔNG TY CHỨNG KHOÁN

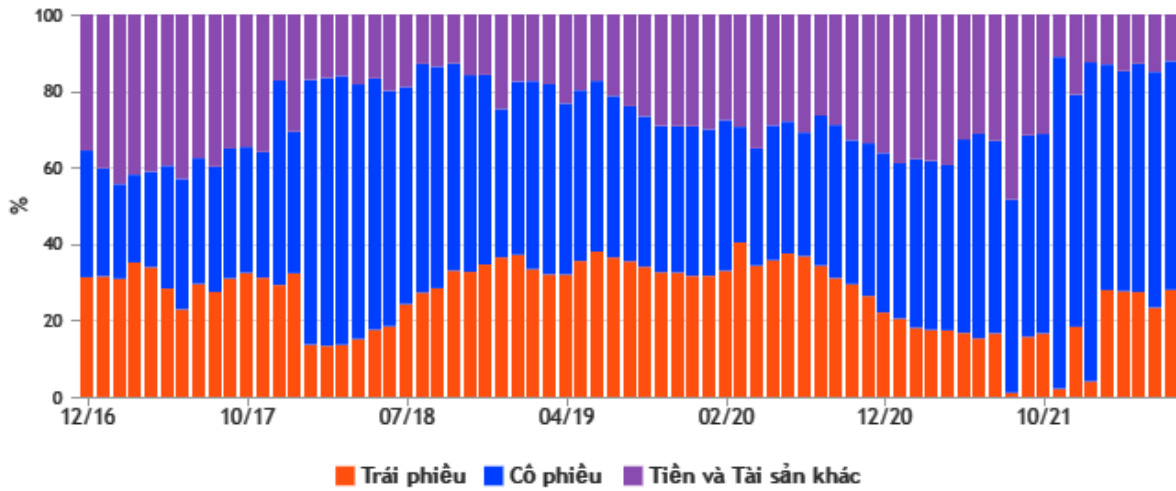
Top Tự doanh Mua ròng			Top Tự doanh Bán ròng		
Mã	Thay đổi 1w	Giá trị (tỷ đồng)	Mã	Thay đổi 1w	Giá trị (tỷ đồng)
FUEVFNVD	-2.18%	469.07	MWG	-5.38%	103.53
GEX	9.63%	92.31	PNJ	-2.16%	72.27
E1VFN30	-1.24%	31.68	FPT	-1.67%	69.38
TDM	-1.01%	9.08	TCB	-3.86%	64.71
SZC	12.46%	8.06	FUEKIV30	-0.12%	64.03



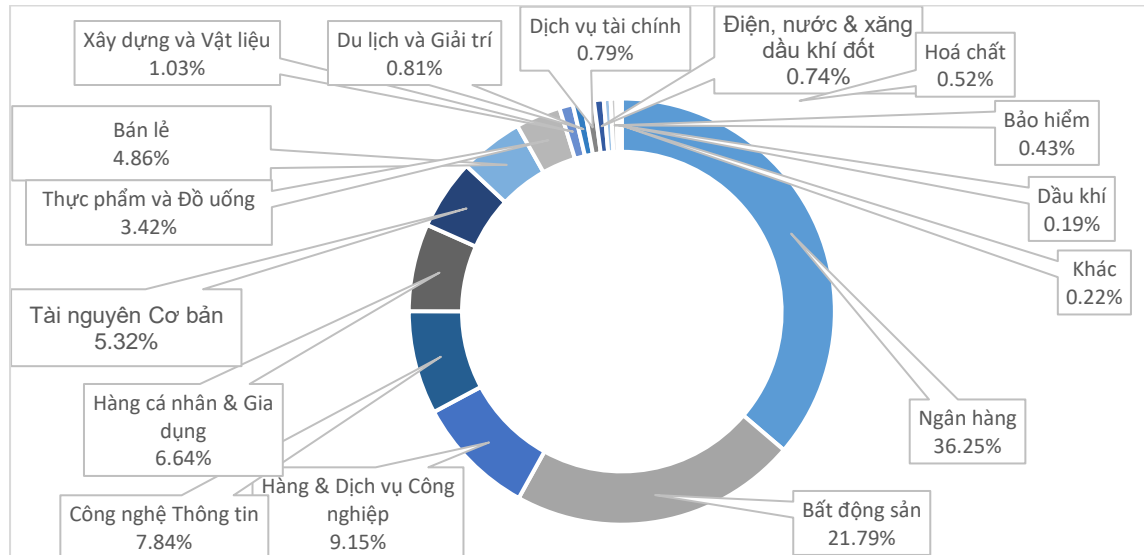


TỔ CHỨC (do finrpo platform theo dõi)

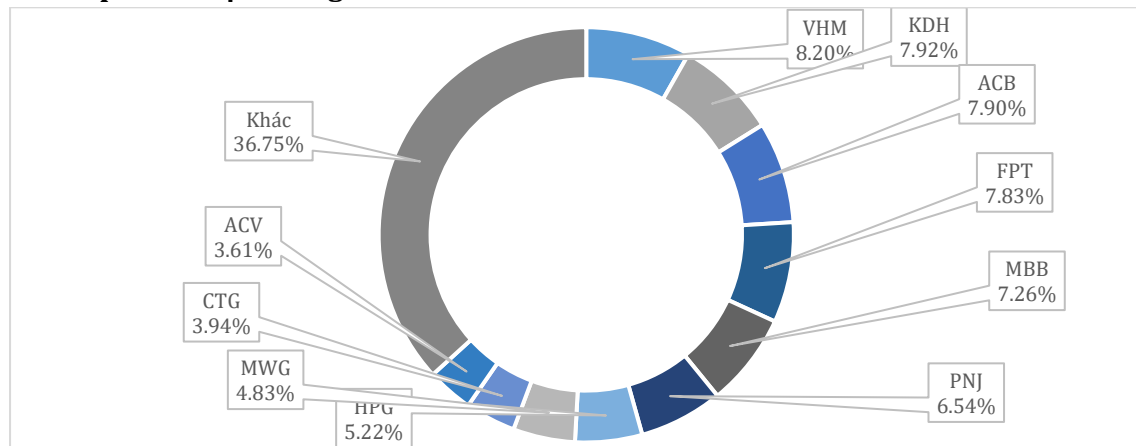
Phân bổ tài sản



Phân bổ các khoản đầu tư theo ngành



Các cổ phiếu được nắm giữ nhiều nhất





LỊCH SỰ KIỆN TUẦN TỚI

MÃ CK	SÀN	NỘI DUNG SỰ KIỆN	NGÀY GD KHQ	NGÀY ĐK CC	NGÀY THỰC HIỆN
MDC	HNX	Trả cổ tức bằng tiền mặt (650 đ/cp)	18/07/22	19/07/22	29/07/22
BMF	Upcom	Lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản	18/07/22	19/07/22	18/07/22
ABT	HSX	Niêm yết bổ sung 280.000 cp		18/07/22	18/07/22
SGH	HNX	Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022	18/07/22	19/07/22	18/07/22
APP	HNX	Hủy niêm yết 4.724.632 cổ phiếu			18/07/22
HDC	HSX	Giao dịch 21.616.029 cp niêm yết bổ sung			18/07/22
VIE	HNX	Hủy niêm yết 2.061.244 cổ phiếu			18/07/22
C92	HNX	Hủy niêm yết 5.312.920 cổ phiếu			18/07/22
ACB	HSX	Giao dịch 675.487.019 cp niêm yết bổ sung (chia 2 đợt)			18/07/22
VDB	Upcom	Trả cổ phiếu thưởng (tỷ lệ 10%)	18/07/22	19/07/22	18/07/22
HPM	HNX	Hủy niêm yết 3.800.000 cổ phiếu			18/07/22
HTG	Upcom	Giao dịch 6.378.075 cổ phiếu ĐKGD bổ sung	18/07/22	18/07/22	18/07/22
DC4	HSX	Niêm yết bổ sung 2.499.723 cp		18/07/22	18/07/22
OIL	Upcom	Trả cổ tức bằng tiền mặt (350đ/cp)	19/07/22	20/07/22	10/08/22
DVM	HNX	Giao dịch đầu tiên 35.650.000 cổ phiếu niêm yết			19/07/22
FPT	HSX	Giao dịch 182.830.658 cp niêm yết bổ sung			19/07/22
VHC	HSX	Lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản	19/07/22	20/07/22	19/07/22
DRI	Upcom	Trả cổ tức bằng tiền mặt (400đ/cp)	19/07/22	20/07/22	04/08/22
ARM	HNX	Trả cổ tức bằng tiền mặt (900 đ/cp)	19/07/22	20/07/22	19/08/22
TPS	Upcom	Trả cổ tức bằng tiền mặt (1.200đ/cp)	19/07/22	20/07/22	04/08/22
VIX	HSX	Chi trả cổ tức năm 2021 (600 đ/cp)	19/07/22	20/07/22	05/08/22
VMC	HNX	Trả cổ tức bằng cổ phiếu (tỷ lệ 100:8)	19/07/22	20/07/22	19/07/22
ILB	HSX	Chi trả cổ tức năm 2021 (1.500 đ/cp)	19/07/22	20/07/22	10/08/22
PRC	HNX	Đại hội đồng cổ đông bất thường năm 2022	19/07/22	20/07/22	19/07/22
BEL	Upcom	Trả cổ tức bằng tiền mặt (500đ/cp)	19/07/22	20/07/22	05/08/22
NCT	HSX	Chi trả cổ tức còn lại năm 2021 (6.300 đ/cp)	19/07/22	20/07/22	18/08/22
AMV	HNX	Giao dịch đầu tiên 39.996.789 cổ phiếu niêm yết bổ sung			19/07/22
DHC	HSX	Chi trả cổ tức đợt 3 năm 2021 (1.000 đ/cp)	19/07/22	20/07/22	30/08/22
PRC	HNX	Đại hội đồng cổ đông bất thường năm 2022	19/07/22	20/07/22	19/07/22
SPM	HSX	Chi trả cổ tức năm 2021 (500 đ/cp)	19/07/22	20/07/22	29/07/22
HPG	HSX	Niêm yết bổ sung 1.341.862.994 cp		19/07/22	19/07/22
QCC	Upcom	Lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản	19/07/22	20/07/22	19/07/22
VLA	HNX	Giao dịch đầu tiên 1.997.998 cổ phiếu niêm yết bổ sung			19/07/22
ACM	Upcom	Giao dịch 51.000.000 cổ phiếu đăng ký giao dịch	19/07/22	19/07/22	19/07/22
SDN	HNX	Trả cổ tức bằng tiền mặt (2.200 đ/cp)	19/07/22	20/07/22	29/07/22
HPP	Upcom	Trả cổ tức bằng tiền mặt (1.500đ/cp)	20/07/22	21/07/22	22/08/22
TBR	Upcom	Giao dịch 8.060.000 cổ phiếu đăng ký giao dịch	20/07/22	20/07/22	20/07/22
DPM	HSX	Trả cổ tức đợt 2 năm 2021 (4.000 đ/cp)	20/07/22	21/07/22	23/08/22
TN1	HSX	Giao dịch đầu tiên 4.908.000 trái phiếu niêm yết			20/07/22
NED	Upcom	Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022 (lần thứ 2)	20/07/22	21/07/22	20/07/22
CEO	HNX	Lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản	20/07/22	21/07/22	20/07/22
HND	Upcom	Trả cổ tức bằng tiền mặt (800đ/cp)	20/07/22	21/07/22	08/08/22
AAS	Upcom	Giao dịch 49.000.000 cổ phiếu niêm yết bổ sung	20/07/22	20/07/22	20/07/22



MÃ CK	SÀN	NỘI DUNG SỰ KIỆN	NGÀY GD KHQ	NGÀY ĐK CC	NGÀY THỰC HIỆN
MWG	HSX	Giao dịch 731.854.815 cp niêm yết bổ sung			20/07/22
DTD	HNX	Giao dịch đầu tiên 491.000 cổ phiếu niêm yết bổ sung			21/07/22
VGS	HNX	Trả cổ tức bằng cổ phiếu (tỷ lệ 100:15)	21/07/22	22/07/22	21/07/22
OPC	HSX	Thưởng cp (tỷ lệ 100:141)	21/07/22	22/07/22	21/07/22
QBS	HSX	ĐHĐCĐ thường niên năm 2022 lần 3			21/07/22
QBS	HSX	ĐHĐCĐ thường niên năm 2022 lần thứ 3			21/07/22
DST	HNX	Đại hội đồng cổ đông bất thường năm 2022	21/07/22	22/07/22	21/07/22
DIG	HSX	Trả cổ tức năm 2021 (tỷ lệ 100:17), thưởng cp (tỷ lệ 100:5)	21/07/22	22/07/22	21/07/22
FIT	HSX	Giao dịch 50.930.394 cp niêm yết bổ sung			21/07/22
S4A	HSX	Chi trả cổ tức đợt 1 năm 2021 (1.000 đ/cp)	21/07/22	22/07/22	22/08/22
GEG	HSX	Giao dịch 18.221.376 cp niêm yết bổ sung			21/07/22
SPC	HNX	Trả cổ tức bằng tiền mặt (700 đ/cp)	22/07/22	25/07/22	22/08/22
SBR	Upcom	Trả cổ tức năm 2021 (1.300 đ/cp)	22/07/22	25/07/22	08/08/22
MHC	HSX	Chi trả cổ tức năm 2021 (500 đ/cp)	22/07/22	25/07/22	10/08/22
TCH	HSX	Chi trả cổ tức năm 2021 (300 đ/cp)	22/07/22	25/07/22	22/08/22
LBM	HSX	Phát hành cổ phiếu để tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn CSH (tỷ lệ 1:1)	22/07/22	25/07/22	22/07/22
NTH	HNX	Lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản	22/07/22	25/07/22	22/07/22
NAV	HSX	ĐHĐCĐ bất thường năm 2022	22/07/22	25/07/22	22/07/22
SHS	HNX	Trả cổ tức bằng cp (tỷ lệ 100:18), thưởng cp (tỷ lệ 100:7)	22/07/22	25/07/22	22/07/22
HBC	HSX	ĐHĐCĐ bất thường năm 2022	22/07/22	25/07/22	24/08/22



XẾP HẠNG CỔ PHIẾU

Chỉ số tham chiếu: VN - Index.

Kỳ hạn đầu tư: 6 đến 18 tháng

Khuyến nghị	Định nghĩa
Mua	Tỷ suất lợi nhuận kỳ vọng \geq 15% Hoặc công ty/ngành có triển vọng tích cực
Tích lũy	Tỷ suất lợi nhuận kỳ vọng từ 5% đến 15% Hoặc công ty/ngành có triển vọng tích cực
Trung lập	Tỷ suất lợi nhuận kỳ vọng từ -5% đến 5% Hoặc công ty/ngành có triển vọng trung lập
Giảm tỷ trọng	Tỷ suất lợi nhuận kỳ vọng từ -15% to -5% Hoặc công ty/ngành có triển vọng kém tích cực
Bán	Tỷ suất lợi nhuận kỳ vọng nhỏ hơn -15% Hoặc công ty/ngành có triển vọng kém tích cực

XẾP HẠNG NGÀNH

Chỉ số tham chiếu: VN - Index

Kỳ hạn đầu tư: 6 đến 18 tháng

Xếp loại	Định nghĩa
Vượt trội	Tỷ suất lợi nhuận trung bình ngành so với VN-Index lớn hơn 5% Hoặc triển vọng ngành tích cực
Trung lập	Tỷ suất lợi nhuận trung bình ngành so với VN-Index từ -5% đến 5% Hoặc triển vọng ngành trung lập
Kém hiệu quả	Tỷ suất lợi nhuận trung bình ngành so với VN-Index nhỏ hơn -5% Hoặc triển vọng ngành kém tích cực

KHUYẾN CÁO

Các nhận định trong báo cáo này phản ánh quan điểm riêng của chuyên viên phân tích chịu trách nhiệm chuẩn bị báo cáo này về mã chứng khoán hoặc tổ chức phát hành. Nhà đầu tư nên xem báo cáo này như một nguồn tham khảo và không nên xem báo cáo này là nội dung tư vấn đầu tư chứng khoán khi đưa ra quyết định đầu tư và Nhà đầu tư phải chịu toàn bộ trách nhiệm đối với quyết định đầu tư của chính mình. Công ty cổ phần chứng khoán Guotai Junan Việt Nam không chịu trách nhiệm đối với toàn bộ hay bất kỳ thiệt hại nào, hay sự kiện bị coi là thiệt hại nào là hệ quả phát sinh từ hoặc liên quan tới việc sử dụng toàn bộ hoặc từng phần thông tin hay ý kiến nào được đề cập trong bản báo cáo này.

Chuyên viên phân tích chịu trách nhiệm chuẩn bị báo cáo này nhận được thù lao dựa trên các yếu tố khác nhau, bao gồm chất lượng và độ chính xác của nghiên cứu, phản hồi của khách hàng, yếu tố cạnh tranh và doanh thu của công ty. Công ty cổ phần chứng khoán Guotai Junan Việt Nam và cán bộ, Tổng giám đốc, nhân viên có thể có một mối liên hệ đến bất kỳ chứng khoán nào được đề cập trong báo cáo này (hoặc trong bất kỳ khoản đầu tư nào có liên quan).

Chuyên viên phân tích chịu trách nhiệm chuẩn bị báo cáo này nỗ lực để chuẩn bị báo cáo trên cơ sở thông tin được cho là đáng tin cậy tại thời điểm công bố. Công ty cổ phần chứng khoán Guotai Junan Việt Nam không tuyên bố hay cam đoan, bảo đảm về tính đầy đủ và chính xác của thông tin đó. Các quan điểm và ước tính trong báo cáo này chỉ thể hiện quan điểm của chuyên viên phân tích chịu trách nhiệm chuẩn bị báo cáo tại thời điểm công bố và không được hiểu là quan điểm của Công ty cổ phần chứng khoán Guotai Junan Việt Nam và có thể thay đổi mà không cần báo trước.

Báo cáo này được chuẩn bị cho mục đích duy nhất là cung cấp thông tin cho các Nhà đầu tư bao gồm nhà đầu tư tổ chức và nhà đầu tư cá nhân của Guotai Junan Việt Nam tại Việt Nam và ở nước ngoài theo luật pháp và quy định có liên quan rõ ràng tại quốc gia nơi báo cáo này được phân phối và không nhằm đưa ra bất kỳ đề nghị hay hướng dẫn mua, bán hay nắm giữ chứng khoán cụ thể nào ở bất kỳ quốc gia nào. Các quan điểm và khuyến cáo được trình bày trong bản báo cáo này không tính đến sự khác biệt về mục tiêu, nhu cầu, chiến lược và hoàn cảnh cụ thể của từng Nhà đầu tư. Nhà đầu tư hiểu rằng có thể có các xung đột lợi ích ảnh hưởng đến tính khách quan của bản báo cáo này.

Nội dung của báo cáo này, bao gồm nhưng không giới hạn nội dung khuyến cáo không phải là căn cứ để Nhà đầu tư hay một bên thứ ba yêu cầu Công ty cổ phần chứng khoán Guotai Junan Việt Nam và/hoặc chuyên viên chịu trách nhiệm chuẩn bị báo cáo này thực hiện bất kỳ nghĩa vụ nào với Nhà đầu tư hay một bên thứ ba liên quan đến quyết định đầu tư của Nhà đầu tư và/hoặc nội dung của báo cáo này.

Bản báo cáo này không được sao chép, xuất bản hoặc phân phối lại bởi bất kỳ đối tượng nào cho bất kỳ mục đích nào mà không có sự cho phép bằng văn bản của đại diện có thẩm quyền của Công ty cổ phần chứng khoán Guotai Junan Việt Nam. Vui lòng dẫn nguồn khi trích dẫn.



GUOTAI JUNAN VIETNAM RESEARCH & INVESTMENT STRATEGY

Đỗ Trung Nguyên

Chief Investment Strategy

nguyendt@gtjas.com.vn

(024) 35.730.073 – ext:702

Võ Thế Vinh

Head of Research

vinhvt@gtjas.com.vn - ext:701



CHỨNG KHOÁN GUOTAI JUNAN (VIỆT NAM)
GUOTAI JUNAN SECURITIES (VIETNAM)

LIÊN HỆ	TRỤ SỞ CHÍNH HÀ NỘI	CHI NHÁNH TP. HCM
Điện thoại tư vấn: (024) 35.730.073	P9-10, Tầng 1, Chamvit Tower	Lầu 4, Số 2 BIS, Công Trường Quốc Tế, P. 6, Q. 3, Tp.HCM
Điện thoại đặt lệnh: (024) 35.779.999		
Email: info@gtjas.com.vn Website: www.gtjai.com.vn	Điện thoại: (024) 35.730.073 Fax: (024) 35.730.088	Điện thoại: (028) 38.239.966 Fax: (028) 38.239.696